

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thuốc, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Trần Văn Xuân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Đức	Thành viên/ Giám đốc
Ông Phan Minh Hoàng	Thành viên/ Phó Giám đốc
Ông Trương Thanh Hiếu	Thành viên
Ông Cái Hồng Thu	Thành viên

Ban Kiểm soát:

Ông Nguyễn Văn Út	Trưởng ban
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên
Ông Phạm Xuân Nghiêm	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



NGUYỄN HỮU ĐỨC

Giám đốc

Ngày 02 tháng 03 năm 2013

Số: 175 /DFK-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên (“Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 02 tháng 03 năm 2013, từ trang 03 đến trang 21 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV
Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam
Tp. HCM, ngày 02 tháng 03 năm 2013



Lê Đình Huyền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1756/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. Tài sản ngắn hạn	100		91.680.814.617	99.037.367.417
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	04	9.980.791.306	11.951.674.474
1. Tiền	111		9.980.791.306	11.951.674.474
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	05	46.215.705.479	39.633.128.928
1. Phải thu khách hàng	131		44.970.819.874	38.912.569.192
2. Trả trước cho người bán	132		146.019.938	502.745.086
5. Các khoản phải thu khác	138		1.235.202.019	389.702.502
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(136.336.352)	(171.887.852)
IV. Hàng tồn kho	140	06	34.918.251.249	46.223.276.740
1. Hàng tồn kho	141		35.770.979.006	47.104.784.552
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(852.727.757)	(881.507.812)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		566.066.583	1.229.287.275
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		289.326.725	621.529.387
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	351.373.506
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	07	276.739.858	256.384.382
B. Tài sản dài hạn	200		29.824.869.077	33.957.942.712
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.219.669.077	30.352.742.712
1. TSCĐ hữu hình	221	08	26.069.417.077	26.095.415.877
- Nguyên giá	222		112.154.067.359	104.589.344.573
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.084.650.282)	(78.493.928.696)
3. TSCĐ vô hình	227		150.252.000	-
- Nguyên giá	228		150.252.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	4.257.326.835
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.605.200.000	3.605.200.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	09	3.605.200.000	3.605.200.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		121.505.683.694	132.995.310.129

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. Nợ phải trả	300		65.594.604.660	76.973.117.459
I. Nợ ngắn hạn	310		63.468.412.994	74.376.539.877
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	46.930.976.927	58.036.062.003
2. Phải trả cho người bán	312		6.380.902.869	6.483.370.248
3. Người mua trả tiền trước	313		152.760.800	-
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	11	692.342.683	88.263.494
5. Phải trả công nhân viên	315		7.363.808.037	6.175.847.566
6. Chi phí phải trả	316		300.007.688	783.695.813
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	1.612.914.083	2.683.413.948
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		34.699.907	125.886.805
II. Nợ dài hạn	330		2.126.191.666	2.596.577.582
4. Vay và nợ dài hạn	334	13	2.123.000.000	2.393.619.302
5. Thuế TNDN hoãn lại phải trả	335		3.191.666	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	202.958.280
B. Vốn chủ sở hữu	400		55.911.079.034	56.022.192.670
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	55.911.079.034	56.022.192.670
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.998.703	3.998.703
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	510.434.895
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.591.732.737	1.984.867.288
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.992.448.258	1.385.582.809
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		11.322.899.336	12.137.308.975
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		121.505.683.694	132.995.310.129

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gửi		180.520.491	180.520.491
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại	USD	12.400,93	87.361,18
	EUR	1.760,67	612,89
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Nguyễn Hữu Đức
Giám đốc
Ngày 02 tháng 03 năm 2013

Văn Ngọc Lưu
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		207.813.217.036	199.806.277.397
2. Các khoản giảm trừ	02		-	142.925.146
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	15	207.813.217.036	199.663.352.251
4. Giá vốn hàng bán	11	16	179.756.629.303	168.410.288.863
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.056.587.733	31.253.063.388
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1.915.921.378	3.993.423.595
7. Chi phí tài chính	22	18	5.478.442.643	10.357.901.861
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.084.664.676	6.126.470.624
8. Chi phí bán hàng	24	19	4.370.376.157	5.509.345.724
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	7.797.901.652	6.160.501.339
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.325.788.659	13.218.738.059
11. Thu nhập khác	31		363.728.895	958.347.531
12. Chi phí khác	32		402.572.977	1.149.598.517
13. Lợi nhuận khác/(lỗ)	40	22	(38.844.082)	(191.250.986)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.286.944.577	13.027.487.073
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	23	960.853.575	890.178.098
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		(3.191.666)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.322.899.336	12.137.308.975
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	24	2.831	3.034



Nguyễn Hữu Đức
Giám đốc
 Ngày 02 tháng 03 năm 2013

Văn Ngọc Lưu
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	12.286.944.577	13.027.487.073
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	2	8.220.655.860	7.210.632.877
Các khoản dự phòng	3	(64.331.555)	993.162.393
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	(49.140.769)	9.602.200
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	5	(936.137.594)	(930.740.425)
Chi phí lãi vay	6	5.084.664.676	6.126.470.624
2. Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	8	24.542.655.195	26.436.614.742
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(5.941.647.097)	14.014.911.963
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	11.333.805.546	(21.354.056.499)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(71.930.274)	(1.953.427.619)
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.084.664.676)	(6.126.470.624)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(220.376.404)	(1.465.170.402)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	27.800.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.439.583.244)	(2.200.636.727)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.146.059.046	7.351.764.834
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(4.111.065.867)	(9.388.885.491)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	36.363.636	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	923.257.600	930.740.425
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.151.444.631)	(8.458.145.066)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	112.048.027.412	132.801.172.754
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(123.243.832.309)	(118.019.115.193)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(9.185.850.000)	(8.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.381.654.897)	6.582.057.561
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.387.040.482)	5.475.677.329
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.951.674.474	6.403.702.923
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	(583.842.686)	72.294.222
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9.980.791.306	11.951.674.474



Nguyễn Hữu Đức
Giám đốc
Ngày 02 tháng 03 năm 2013

Văn Ngọc Lưu
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên (“Công ty”) là doanh nghiệp Cổ phần hóa từ Công ty Liên doanh Bao Bì Hà Tiên, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ phần số 56-03-000144 ngày 30 tháng 5 năm 2008 và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ hai 17 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 484 người.

Công ty có trụ sở chính tại Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất sợi; sản xuất vải dệt thoi; hoàn thiện sản phẩm dệt; đại lý, môi giới, bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn chuyên doanh khác còn lại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết Minh thông tin đối với công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty bắt đầu áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán như sau (theo nội dung Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính):

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.
- Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị số các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 06

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của những tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được công vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác (nếu có) được áp dụng theo luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

28
D
H
N
D
1
1
1700
C
O
I
C
O
B
H
A
V
L
U
O
I

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính**Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	40.932.929	83.595.075
Tiền gửi ngân hàng	9.939.858.377	11.868.079.399
Cộng	9.980.791.306	11.951.674.474

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu khách hàng	44.970.819.874	38.912.569.192
Trả trước cho người bán	146.019.938	502.745.086
Các khoản phải thu khác	1.235.202.019	389.702.502
Cộng	46.352.041.831	39.805.016.780
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(136.336.352)	(171.887.852)
Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn	46.215.705.479	39.633.128.928

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Hàng mua đang đi đường	1.931.887.460	4.282.073.625
Nguyên liệu, vật liệu	15.693.275.888	21.693.482.570
Công cụ dụng cụ	361.157.422	447.539.173
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.135.765.373	18.382.526.823
Thành phẩm	3.648.892.863	2.299.162.361
Cộng	35.770.979.006	47.104.784.552
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(852.727.757)	(881.507.812)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	34.918.251.249	46.223.276.740

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01B/2010/NHNT-BBHT ngày 15/7/2010, toàn bộ hàng tồn kho được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay được thuyết minh tại mục 10 và 13.

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tạm ứng nhân viên	227.987.606	207.632.130
Tài sản thiếu chờ xử lý	48.752.252	48.752.252
Cộng	276.739.858	256.384.382

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	15.797.135.504	84.726.902.410	3.134.271.397	931.035.262	104.589.344.573
Tăng trong kỳ	6.519.895.024	1.146.422.841	-	551.822.837	8.218.140.702
Thanh lý	-	(653.417.916)	-	-	(653.417.916)
Tại ngày 31/12/2012	<u>22.317.030.528</u>	<u>85.219.907.335</u>	<u>3.134.271.397</u>	<u>1.482.858.099</u>	<u>112.154.067.359</u>
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	10.629.080.651	65.958.802.544	1.131.884.438	774.161.063	78.493.928.696
Khấu hao trong kỳ	2.131.718.233	5.501.615.712	437.324.412	149.997.503	8.220.655.860
Thanh lý	-	(629.934.274)	-	0	(629.934.274)
Tại ngày 31/12/2012	<u>12.760.798.884</u>	<u>70.830.483.982</u>	<u>1.569.208.850</u>	<u>924.158.566</u>	<u>86.084.650.282</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	<u>5.168.054.853</u>	<u>18.768.099.866</u>	<u>2.002.386.959</u>	<u>156.874.199</u>	<u>26.095.415.877</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>9.556.231.644</u>	<u>14.389.423.353</u>	<u>1.565.062.547</u>	<u>558.699.533</u>	<u>26.069.417.077</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.128.174.874 đồng.

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01B/2010/NHNT-BBHT ngày 15/7/2010, toàn bộ tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay được thuyết minh tại mục 10 và 13 có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2012 là 26.069.417.077 đồng.

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Bao gồm các khoản đầu tư vào các Công ty:

	Tỷ lệ	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
Công ty CP Xi Măng Hà Tiên	2,95%	1.005.200.000	1.005.200.000
Công ty CP Xi Măng Kiên Giang	5,38%	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty CP Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang	3,05%	1.400.000.000	1.400.000.000
Cộng		<u>3.605.200.000</u>	<u>3.605.200.000</u>

Đây là các công ty chưa niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam, và do chưa xác định được một cách chắc chắn giá trị thị trường tại ngày lập báo cáo này nên được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Kiên Giang	32.396.738.923	55.940.698.395
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Kiên Giang	13.911.795.145	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	622.442.859	2.095.363.608
Cộng	<u>46.930.976.927</u>	<u>58.036.062.003</u>

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Kiên Giang bao gồm các khoản vay theo hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 0004/12/0101/KL ngày 03/10/2012 với hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay là 04 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động mua vật tư, nguyên vật liệu sản xuất bao bì.
- Hợp đồng tín dụng số 0003/11/0101/KL ngày 04/8/2011 với hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD, lãi suất dao động từ 6,3% đến 7%/năm, thời hạn vay là 07 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động mua vật tư, nguyên vật liệu sản xuất bao bì.
- Hợp đồng tín dụng số 0926/12/0101/KL ngày 15/8/2012 với hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD, lãi suất 5,8%/năm, thời hạn vay là 07 tháng. Mục đích vay để nhập mua vật tư, nguyên vật liệu sản xuất bao bì.
- Hợp đồng tín dụng 0005/12/0101/KL ngày 07/12/2012 với hạn mức tín dụng là 103.000 USD, lãi suất 3,8%/năm, thời hạn vay là 04 tháng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động mua vật tư, nguyên vật liệu sản xuất bao bì xuất khẩu.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là toàn bộ hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty được thuyết minh tại mục 6 và 8.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương – CN Kiên Giang theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 12570005/HĐTD ngày 20/3/2012 với hạn mức cho vay là 40.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 06 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh hàng tháng cho các khoản vay, lãi suất hiện tại là 12%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động để mua, nhập khẩu nguyên vật liệu và các chi phí khác phục vụ phương án sản xuất, kinh doanh sợi, vải dệt thoi và bao bì các loại. Công ty vay bằng hình thức tín chấp.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế GTGT đầu ra	-	64.832.184
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	303.239.018	11.650.612
Thuế xuất, nhập khẩu	-	11.780.698
Thuế thu nhập doanh nghiệp	389.103.665	-
Cộng	<u>692.342.683</u>	<u>88.263.494</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	41.743.993	48.917.353
Kinh phí công đoàn	715.835.579	659.388.020
Phải trả cổ tức cho cổ đông	355.310.844	938.179.113
Phải trả nguyên liệu cho bên gia công	273.759.006	183.861.004
Các khoản phải trả khác	226.264.661	853.068.458
Cộng	<u>1.612.914.083</u>	<u>2.683.413.948</u>

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Kiên Giang	2.745.442.859	4.488.982.910
Nợ dài hạn đến hạn trả	(622.442.859)	(2.095.363.608)
Cộng	<u>2.123.000.000</u>	<u>2.393.619.302</u>

Hợp đồng tín dụng số 0002/11/BD01/KL ngày 03/6/2011 với tổng số tiền vay là 4.923.000.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất vay hiện nay là 15%/năm. Khoản vay này nhằm mục đích đầu tư xây dựng mới nhà xưởng và được thế chấp bởi tài sản hình thành từ vốn vay là nhà xưởng khung thép và đảm bảo bằng tài sản của Công ty được trình bày tại Mục 8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B09-DN

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	40.000.000.000	3.998.703	339.912.959	826.663.856	1.404.149.509	9.956.174.471	52.530.899.498
Lợi nhuận trong năm						12.137.308.975	12.137.308.975
Trích quỹ				558.918.953	580.717.779	(3.175.155.016)	(2.035.518.284)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá			510.434.895				510.434.895
Cổ tức						(6.781.019.455)	(6.781.019.455)
Giảm khác			(339.912.959)				(339.912.959)
Tại ngày 31/12/2011	40.000.000.000	3.998.703	510.434.895	1.385.582.809	1.984.867.288	12.137.308.975	56.022.192.670
Lợi nhuận trong năm						11.322.899.336	11.322.899.336
Trích quỹ				606.865.449	606.865.449	(3.534.327.244)	(2.320.596.346)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá			405.129.129				405.129.129
Cổ tức						(8.602.981.731)	(8.602.981.731)
Giảm khác			(915.564.024)			-	(915.564.024)
Tại ngày 31/12/2012	40.000.000.000	3.998.703	-	1.992.448.258	2.591.732.737	11.322.899.336	55.911.079.034

Đơn vị tiến hành chia trả cổ tức và trích lập các Quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 25/NQ-HĐQT ngày 16/01/2012.

Chi tiết vốn điều lệ

	Tại ngày 31/12/2012			Tại ngày 01/01/2012	
	Số lượng CP	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ
Tổng Công ty Công Nghiệp Xi măng Việt Nam	1.538.050	15.380.500.000	38,45%	15.380.500.000	38,45%
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Nhà Kiên Giang	1.538.050	15.380.500.000	38,45%	15.380.500.000	38,45%
Công ty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	400.000	4.000.000.000	10,00%	4.000.000.000	10,00%
Các cổ đông khác	523.900	5.239.000.000	13,10%	5.239.000.000	13,10%
Cộng	4.000.000	40.000.000.000	100,00%	40.000.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Doanh thu bán thành phẩm	202.745.369.144	193.123.595.172
Doanh thu bán hàng hóa	5.061.287.892	6.670.561.389
Doanh thu dịch vụ	6.560.000	12.120.836
	<u>207.813.217.036</u>	<u>199.806.277.397</u>
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	-	(142.925.146)
Cộng doanh thu thuần	<u>207.813.217.036</u>	<u>199.663.352.251</u>

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Giá vốn thành phẩm	174.750.683.985	161.864.057.745
Giá vốn hàng hóa	5.034.725.373	5.664.723.306
Dự phòng/ (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(28.780.055)	881.507.812
Cộng	<u>179.756.629.303</u>	<u>168.410.288.863</u>

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi	90.913.600	124.256.425
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	943.523.009	3.062.683.170
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	49.140.769	-
Cổ tức được chia	832.344.000	806.484.000
Cộng	<u>1.915.921.378</u>	<u>3.993.423.595</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2012	Năm 2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí lãi vay	5.084.664.676	6.126.470.624
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	9.602.200
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	393.777.967	4.221.829.037
Cộng	<u>5.478.442.643</u>	<u>10.357.901.861</u>

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012	Năm 2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu	795.546.418	1.060.146.098
Chi phí vật liệu, bao bì	1.364.738.129	1.581.861.675
Chi phí vận chuyển, bốc xếp trong nước	904.148.225	797.076.293
Hoa hồng bán hàng	130.347.160	387.595.675
Chi phí dịch vụ mua ngoài	803.820.335	1.305.002.343
Chi phí bằng tiền khác	371.775.890	377.663.640
Cộng	<u>4.370.376.157</u>	<u>5.509.345.724</u>

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.667.502.520	2.517.919.897
Phí ngân hàng	365.037.713	514.143.310
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	-	83.180.675
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	358.190.160	271.590.536
Chi phí khấu hao TSCĐ	589.118.112	427.312.370
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) phải thu khó đòi	(35.551.500)	194.891.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.653.204.441	1.124.361.089
Chi phí bằng tiền khác	1.200.400.206	1.027.102.033
Cộng	<u>7.797.901.652</u>	<u>6.160.501.339</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí nguyên vật liệu	145.505.696.134	148.467.867.205
Chi phí nhân công	27.485.036.432	22.834.816.554
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.220.655.860	7.210.632.877
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.320.237.779	11.563.329.446
Chi phí khác	1.575.924.015	1.599.657.102
	<u>194.107.550.220</u>	<u>191.676.303.184</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***22. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm 2012 VNĐ	Năm 2011 VNĐ
Xử lý nguyên vật liệu thừa	80.317.124	856.512.611
Thu nhập từ việc thanh lý TSCĐ	36.363.636	-
Các khoản cho thuê kho bãi, tiền phạt và các khoản khác	247.048.135	101.834.920
Cộng	363.728.895	958.347.531
Xử lý nguyên vật liệu thiếu	3.600.181	471.501.389
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	23.483.642	-
Thuế bị truy thu, phạt vi phạm hành chính	3.351.284	1.370.468
Các khoản chi phí khác	372.137.870	676.726.660
Cộng	402.572.977	1.149.598.517
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác	(38.844.082)	(191.250.986)

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VNĐ	Năm 2011 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	12.286.944.577	13.027.487.073
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(832.344.000)	(806.484.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	683.380.179	389.469.350
Thu nhập chịu thuế	12.137.980.756	12.610.472.423
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
- Hoạt động kinh doanh chính		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.306.460.511	1.267.251.433
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC	(345.606.936)	(377.073.335)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	960.853.575	890.178.098

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012 VNĐ	Năm 2011 VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.322.899.336	12.137.308.975
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	11.322.899.336	12.137.308.975
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần	2.831	3.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.980.791.306	11.951.674.474
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.206.021.893	39.302.271.694
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	3.605.200.000	3.605.200.000
Tổng cộng	59.792.013.199	54.859.146.168
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	49.053.976.927	60.429.681.305
Phải trả người bán và phải trả khác	7.993.816.952	9.166.784.196
Chi phí phải trả	300.007.688	783.695.813
Tổng cộng	57.347.801.567	70.380.161.314

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính "Thông tư 210". Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Quản lý rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi biến động về tỷ giá. Loại tiền tệ gây ra rủi ro là USD và EUR. Công ty đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá hối đoái thông qua các biện pháp: dự báo tỷ giá hối đoái trong tương lai, duy trì dự nợ ngoại tệ ở mức thấp...

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của các tài sản và công nợ phải trả có gốc USD và EUR như sau:

Tài sản	(USD)		(EUR)	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.400,93	87.361,18	1.760,67	612,89
Phải thu khách hàng và phải thu khác	719.221,20	738.153,71	-	-
Cộng	731.622,13	825.514,89	1.760,67	612,89

Công nợ phải trả	(USD)		(EUR)	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
Các khoản vay	1.464.126,57	2.449.496,25	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	1.464.126,57	2.449.496,25	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường này thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

- Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữ nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phát sinh và tài sản tài chính phi phát sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 01 năm	Từ 01 năm - 05 năm	Tổng
	VND	VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Tại 31/12/2012			
Các khoản vay	46.930.976.927	2.123.000.000	49.053.976.927
Phải trả người bán và phải trả khác	7.993.816.952	-	7.993.816.952
Chi phí phải trả	300.007.688	-	300.007.688
Cộng	55.224.801.567	2.123.000.000	57.347.801.567
Tại ngày 01/01/2012			
Các khoản vay	58.036.062.003	2.393.619.302	60.429.681.305
Phải trả người bán và phải trả khác	9.166.784.196	-	9.166.784.196
Chi phí phải trả	783.695.813	-	783.695.813
Cộng	67.986.542.012	2.393.619.302	70.380.161.314
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Tại 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.980.791.306	-	9.980.791.306
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.206.021.893	-	46.206.021.893
Đầu tư dài hạn	-	3.605.200.000	3.605.200.000
Cộng	56.186.813.199	3.605.200.000	59.792.013.199
Tại ngày 01/01/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.951.674.474	-	11.951.674.474
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.302.271.694	-	39.302.271.694
Đầu tư dài hạn	-	3.605.200.000	3.605.200.000
Cộng	51.253.946.168	3.605.200.000	54.859.146.168

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên I	69.504.066.100	45.707.732.000
Số dư với các bên liên quan:		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu		
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên I	17.816.331.060	16.922.331.204

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.





Nguyễn Hữu Đức
Giám đốc
Ngày 02 tháng 03 năm 2013



Văn Ngọc Lưu
Kế toán trưởng

